

Hướng dẫn trả lời câu hỏi thảo luận trang 69 SGK Địa lí 12

Đề bài

Từ bảng 16.2, hãy so sánh và nhận xét về mật độ dân số giữa các vùng.

Bảng 16.2. Mật độ dân số một số vùng nước ta, năm 2006

(Đơn vị : người/km²)

| Vùng | Mật độ dân số | |
|-----------------------------|---------------|-----|
| Đồng bằng sông Hồng | 1225 | |
| Trung du và miền núi Bắc Bộ | Đông Bắc | 148 |
| | Tây Bắc | 69 |
| Bắc Trung Bộ | 207 | |
| Duyên hải Nam Trung Bộ | 200 | |
| Tây Nguyên | 89 | |
| Đông Nam Bộ | 511 | |
| Đồng bằng sông Cửu Long | 429 | |

Lời giải chi tiết

- Phân bố dân cư chưa hợp lí giữa miền núi và đồng bằng:

+ Vùng đồng bằng chỉ chiếm $\frac{1}{4}$ diện tích nhưng tập trung tới 75% dân số, trong khi miền núi với $\frac{3}{4}$ diện tích nhưng chỉ có 25% dân số.

+ Mật độ dân số đồng bằng sông Hồng gấp 17,7 lần Tây Bắc; 8,3 lần Tây Bắc và 13,8 lần Tây Nguyên.

- Trong các đồng bằng có sự phân hóa: đồng bằng sông Hồng gấp 2 lần đồng bằng sông Cửu Long.

+ Đồng bằng sông Hồng tập trung đông dân nhất (mật độ 1225 người/km²)

+ Đồng bằng sông Cửu Long mật độ dân số là 429 người/km²)

- Giữa các vùng miền núi cũng có sự chênh lệch:

+ Thấp nhất là Tây Bắc với mật độ là 69 người/km².

+ Tây Nguyên là 89 người/km².

+ Đông Bắc là 148 người/km² (gấp 2,1 lần Tây Bắc).